

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 136/2022/DS-ST

Ngày: 18-10-2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Bùi Duy Thắm**;

Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Trọng**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thái Thanh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Doanh nghiệp tư nhân T; địa chỉ: Tổ 5, ấp 1, xã N, huyện C, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị G – Chủ doanh nghiệp (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà G: Bà Nguyễn Thị H, S năm 1967; nơi cư trú: Tổ 4, khu phố 4, thị trấn T, huyện C, tỉnh N (có mặt).

-Bị đơn: Bà Trần Thị Phương S, S năm 1975; nơi cư trú: Tổ 12, ấp 2, xã N, huyện C, tỉnh N (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 31/5/2022 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị G trình bày:

Ngày 17/3/2018, Doanh nghiệp tư nhân của bà có ký hợp đồng mua bán mũ nước

và mua tạp với bà S và có ứng cho bà S 50.000.000 đồng tiền đầu tư. Sau đó, bà S không bán mua cao su cho bà nữa và cũng không trả lại tiền đầu tư.

Ngày 22/9/2017, bà có khai dây hội tháng 5.000.000 đồng, dây hội có 22 phần, bà S tham gia 02 phần. Phần đầu tiên bà S lãnh hội ngày 22/12/2017 được 88.240.000 đồng, đã giao tiền đủ, có làm giấy đăng hội giao cho bà S, bà S chỉ đóng hội chết đến tháng 6/2018 thì ngưng nhưng hội đến tháng 6/2019 mới mãn. Phần thứ hai bà S chưa lãnh hội mà đóng hội sống đến ngày 22/8/2018 thì ngưng. Do bà S không đóng hội chết cho bà, không bán mua cho bà nữa nên ngày 25/10/2018 bà tự quyết toán nợ hội của 02 phần hội trên và có làm giấy diễn giải quyết toán gửi cho bà S, bà vẫn còn giữ 01 bản. Giấy diễn giải này có nội dung là sau khi quyết toán thì bà còn nợ lại bà S 10.000.000 đồng. Bà S có nói để lại 10.000.000 đồng này để trả lãi cho bà tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng đầu tư, hẹn 01 năm sau bán mì trả đủ tiền đầu tư. Như vậy, số tiền 50.000.000 đồng tiền đầu tư chưa được trừ, bà S còn nợ lại bà. Từ ngày quyết toán hội đến nay bà S không có ý kiến gì về việc quyết toán này. Đến hạn bán mì 01 năm sau bà S không trả tiền cho bà, bà đi đòi trực tiếp khoảng 10 lần mà cũng không trả nên mới phải đi kiện.

Nay bà yêu cầu bà S trả lại cho Doanh nghiệp tư nhân T của bà 50.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 17/3/2018 đến khi vụ án được giải quyết xong ở cấp sơ thẩm nhưng được trừ 10.000.000 đồng bà còn lại bà S trong Giấy diễn giải vào tiền lãi. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Người đại diện theo ủy quyền của bà G là bà Nguyễn Thị Htrình bày: Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà G.

Bị đơn là bà Trần Thị Phương S trình bày:

Bà bán mua cao su cho Doanh nghiệp tư nhân T của bà G từ năm 2014 đến đầu năm 2018 thì không bán nữa vì đã bán vườn cây cho người khác cạo nên không có mua để bán. Số tiền 50.000.000 đồng tiền đầu tư theo hợp đồng mua bán mua nước và mua tạp ngày 17/3/2018 là số tiền bà nhận từ năm 2014 và hàng năm làm hợp đồng mới và chuyển số tiền này qua chứ không phải nhận trong năm 2018. Tuy nhiên, bà tham gia góp hội do bà G làm chủ thảo và trừ số tiền này vào tiền hội bà được lãnh xong hết rồi nhưng bà không lấy lại hợp đồng trên do bà G nói tự xé hợp đồng giùm bà. Vì tin tưởng bà G nên bà không hỏi lại đã xé hay chưa.

Năm 2017, bà tham gia dây hội tháng 5.000.000 đồng, không nhớ ngày khai, trong dây hội có 16 phần, đến năm 2018 thì mãn hội. Bà góp hội đầy đủ và lãnh hội khi còn 04 kỳ nữa hội mới mãn. Khi lãnh hội thì bà G trừ luôn phần tiền đầu tư bà còn nợ là 50.000.000 đồng trên, trừ tiền hội chết 04 kỳ và trừ tiền dây hội khác bà tham gia giùm người quen nhưng người này không góp hội được thì hết số tiền bà được lãnh hội. Sau đó, bà còn phải góp hội thay cho người quen 5-6 kỳ nữa cho phần hội tham gia giùm. Đến nay bà chỉ còn nợ bà G 10.000.000 đồng tiền hội của dây hội tham gia giùm chứ không còn nợ bà G số tiền nào khác.

Bà xác định dây hội bà tham gia với bà G là dây hội khai ngày 22/9/2017 theo sổ hội bà G cung cấp. Giấy quyết toán mà bà G cung cấp mà bà G cho rằng là giấy quyết toán 02 phần hội trên không có nội dung nào giống với nội dung giấy quyết toán hội do

bà G giao cho bà trước đây. Tuy nhiên, giấy quyết toán hui bà G giao cho bà trước đây đã bị hư hỏng, không còn lưu giữ được. Bà G có đến nhà bà đòi nợ là đòi nợ tiền hui chứ không có đòi tiền đầu tư. Chị dâu bà G là bà T, ông H là tài xế của bà G đi đòi tiền hui giúp bà G chứ không đòi tiền đầu tư, trong đó bà T đòi 04 lần, ông H đòi riêng 01 lần.

Nay bà không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà G vì bà đã trả rồi. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 275, 357, 430, 431, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Doanh nghiệp tư nhân T. Buộc bà S có nghĩa vụ trả lại cho Doanh nghiệp tư nhân T 50.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

+ Buộc bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp tư nhân T là bà Nguyễn Thị G vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H đại diện, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà G.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H đại diện cho bà Nguyễn Thị G yêu cầu bà Trần Thị Phương S trả cho Doanh nghiệp tư nhân T của bà Nguyễn Thị G 50.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 17/3/2018 đến ngày 17/10/2022 với số tiền 22.825.000 đồng được trừ 12.500.000 đồng, còn lại 10.325.000 đồng, tổng cộng cả gốc lẫn lãi là 60.325.000 đồng. Bà S không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của phía bà G.

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền gốc của Doanh nghiệp tư nhân T của bà G thấy rằng: Căn cứ Hợp đồng mua bán mủ nước và mủ tạp và Phiếu chi đề ngày 17/3/2018 do bà G cung cấp cùng lời thừa nhận của bà S có đủ căn cứ xác định bà S có ký hợp đồng mua bán mủ cao su với Doanh nghiệp tư nhân T của bà G, có nhận của bà G 50.000.000 đồng tiền đầu tư nhưng sau đó không bán mủ cho bà G là sự thật. Bà S

cho rằng bà G đã trừ số tiền trên vào số tiền bà được lãnh hội khi tham gia đây hội tháng 5.000.000 đồng khai ngày 22/9/2017 do bà G làm chủ thảo và không còn nợ bà G số tiền trên nữa. Tuy nhiên, qua đối chất bà G không thừa nhận có sự việc này và Hợp đồng mua bán mủ cao su, Phiếu chi trên thì bà G vẫn còn đang giữ. Lời khai của những người làm chứng là bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn H cung cấp không có nội dung nào thể hiện việc trừ tiền đầu tư như bà S trình bày. Ngoài ra, bà S không có chứng cứ gì khác chứng minh đã trừ tiền đầu tư như trên. Do đó, không có căn cứ chấp nhận lời trình bày trên của bà S và có đủ căn cứ xác định bà S còn nợ Doanh nghiệp tư nhân của bà G số tiền 50.000.000 đồng là có thật. Cần buộc bà S có nghĩa vụ trả lại cho Doanh nghiệp tư nhân T số tiền trên là phù hợp với quy định tại các Điều 275, 357, 430, 431 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi của Doanh nghiệp tư nhân T thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án hai bên thừa nhận số tiền 50.000.000 đồng này là tiền đầu tư do Doanh nghiệp ứng trước cho bà S và bà S phải trả lại khi hết hạn hợp đồng hoặc bà S không bán mủ cao su cho Doanh nghiệp nữa. Tuy nhiên, sau ngày 17/3/2018 bà S không bán mủ cao su cho Doanh nghiệp tư nhân của bà G nữa, cũng chưa trả lại số tiền trên nên phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bà Huyền đại diện cho bà G chỉ yêu cầu trả lãi theo mức lãi 0,83%/tháng tính từ ngày 17/3/2018 đến ngày 17/10/2022 với số tiền 22.825.000 đồng là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Quá trình làm việc bà G thừa nhận còn nợ lại bà S 10.000.000 đồng tiền hội và hai bên có thỏa thuận trừ vào tiền lãi của số tiền đầu tư nêu trên, bà S có trả được 2.500.000 đồng tiền lãi nữa, tổng cộng là 12.500.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Huyền đại diện cho bà G đồng ý trừ số tiền 12.500.000 đồng trên vào số tiền lãi của số tiền đầu tư nêu trên là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Sau khi trừ ra thì bà S còn phải trả cho Doanh nghiệp tư nhân T 10.325.000 đồng tiền lãi.

[2.3] Từ những nhận định trên, cần buộc bà S có nghĩa vụ trả lại cho Doanh nghiệp tư nhân T số tiền cả gốc lẫn lãi là 60.325.000 đồng là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bà S phải chịu 3.016.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Doanh nghiệp tư nhân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Doanh nghiệp tư nhân T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 275, 357, 430, 431, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Doanh nghiệp tư nhân T đối với bà Trần Thị Phương S về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc bà Trần Thị Phương S có nghĩa vụ trả lại cho Doanh nghiệp tư nhân T 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng tiền gốc và 10.325.000 (mười triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền lãi, tổng cộng là 60.325.000 (sáu mươi triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày Doanh nghiệp tư nhân T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị Phương S không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng bà Trần Thị Phương S còn phải trả cho Doanh nghiệp tư nhân T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Phương S phải chịu 3.016.000 (ba triệu không trăm mười sáu nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Doanh nghiệp tư nhân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Doanh nghiệp tư nhân T 1.768.000 (một triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0007423 ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho Doanh nghiệp tư nhân T, bà S biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thành Chung